

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM  
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số 351/TMDK-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2017

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. Điện thoại: 84.8.54112323 Fax: 84.8.54112332

### II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

Báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

*Nơi nhận:*

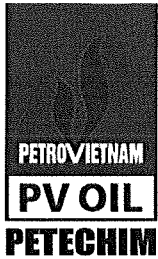
- Như trên;
- Lưu: VT, VP, NXTC-03

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC

HOANG DUONG



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)**  
**NĂM 2016**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước “**Báo cáo thường niên năm 2016**” của Petechim như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
**PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY**  
**PETECHIM JSC**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0305447723.
- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (84-8) 54112323
- Số fax : (84-8) 54112332
- Email : [contact@petechim.com.vn](mailto:contact@petechim.com.vn); [info@petechim.com.vn](mailto:info@petechim.com.vn)
- Website : [www.petechim.com.vn](http://www.petechim.com.vn)
- Mã cổ phiếu : PTV
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành dầu khí non trẻ của Việt Nam. Đến năm 1994, Petechim được chuyển giao cho PetroVietnam với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thương mại và cung ứng thiết bị, vật tư, máy móc cũng như các công trình đồng bộ hàng đầu của Việt Nam.

- Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là “Petechim”, được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS ngày 05/10/1994 hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam).
- Ngày 27/09/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg về việc “Chuyển Công ty Thương mại Dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên”.
- Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim.

Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim” trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

**Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim (tên giao dịch viết tắt là Petechim Servimex) có 51% vốn góp của Tổng công ty Thương mại Dầu khí, sau khi được thành lập kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim.**

Tiếp tục tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).

- Sau khi thành lập PV Oil, thương hiệu Petechim chính thức được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim. Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim.

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim là đơn vị kế thừa toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí cũng như thương hiệu của Tổng công ty Thương mại Dầu khí Petechim trước đây. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2015 và 2016:

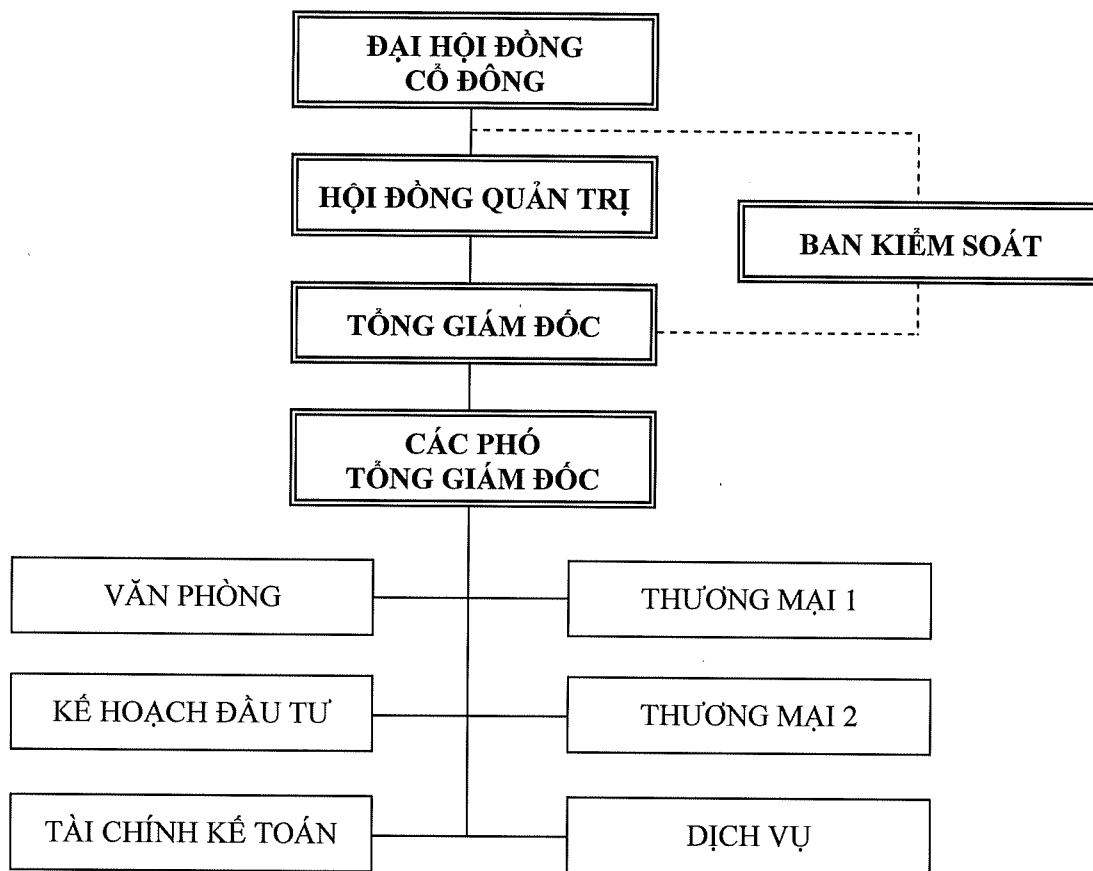
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm	4669

STT	Tên ngành	Mã ngành
	ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển.	5229
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
4	Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
5	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Lập trình máy vi tính	6201
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511

- Địa bàn kinh doanh: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:
  - Đại hội đồng cổ đông;
  - Hội đồng quản trị;
  - Ban kiểm soát;
  - Tổng Giám đốc điều hành.
- Mô hình quản trị:



– Các công ty con, công ty liên kết:

+ **Công ty con:**

1. Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh (GEC)
2. Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

+ **Công ty liên kết:**

3. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC)
4. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)
5. Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)
6. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

(Chi tiết xin xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này)

#### 4. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) cho giai đoạn 2011 – 2016 và định hướng đến năm 2025 là: **“Phát triển thành một Công ty thương mại hàng đầu trong lĩnh vực Dầu khí”**. Các nhiệm vụ cụ thể của Petechim:

- Nhà cung cấp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp thiết bị phục vụ cho các dự án phục vụ cho khâu hạ nguồn và các dự án trong lĩnh vực Dầu khí.
- Nhà cung cấp hàng đầu về hóa phẩm và các thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm. (Trong thời gian qua, Petechim đã trở thành một đơn vị mạnh trong việc cung cấp hóa phẩm, thiết bị phòng thí nghiệm cho PV Oil, Vietsovpetro, Viện Dầu khí, Trường cao đẳng nghề Dầu khí ...)

- Nhà tổng thầu có uy tín trong lĩnh vực hạ nguồn dầu khí trong nước vào năm 2016 và khu vực vào năm 2025. (Xác định EPC là sản phẩm tạo ra sự đột phá cho sự phát triển của Công ty, trong thời gian vừa qua, Petechim đã đẩy mạnh xây dựng lực lượng cán bộ, đặt ra từng bước đi cụ thể của mình. Tuy nhiên, để thực hiện thành công định hướng trên, Petechim cần được tạo điều kiện để phát triển hoàn chỉnh mô hình hoạt động và các lĩnh vực liên quan, trong đó sự hỗ trợ từ phía Tổng Công ty là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, việc chưa tận dụng đội ngũ chuyên gia, máy móc thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm của PV Oil trong các mặt hoạt động của Petechim đã phần nào làm giảm hiệu quả hoạt động của Petechim cũng chưa phát huy hết được các nguồn lực của PV Oil)
- Có sản phẩm, dịch vụ là sở hữu trí tuệ và mang thương hiệu riêng Petechim. (Trong thời gian qua, Petechim bằng sự nỗ lực của mình đã có 3 sản phẩm trí tuệ, mang thương hiệu Petechim như giải pháp phục vụ đào tạo cho Trường Đại học Dầu khí; Giải pháp số hóa, thư viện điện tử; Giải pháp trong hệ thống tự động hóa cho khâu bán lẻ xăng dầu đã được đăng ký bản quyền. Trong thời gian tới, Petechim tiếp tục phát huy và tăng cường phát triển mảng này, đẩy mạnh việc tham gia vào quá trình sản xuất/ tự thực hiện sản xuất những vật tư, thiết bị phục vụ trực tiếp cho các đơn vị trong ngành Dầu khí và đặc biệt là PV Oil)
- Là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: cung cấp các sản phẩm, vật liệu, chất phụ gia thân thiện với môi trường. (Petechim đã và đang tìm kiếm, cung cấp cho PV Oil, VSP, các JOC, ... các phụ gia, hóa phẩm, vật tư thân thiện với môi trường, nghiên cứu triển khai các dự án (Đèn Led tiết kiệm năng lượng, thu gom dầu hơi trong quá trình xuất nhập sản phẩm nhẹ ...) và sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc tìm kiếm và cung cấp các sản phẩm trên. Với việc làm này, Petechim đang gián tiếp thực hiện việc bảo vệ môi trường, giảm độc hại trong các hoạt động của ngành Dầu khí)
- Là đơn vị đi cùng với Tổng Công ty Dầu Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc phát triển các dự án Dầu khí ở nước ngoài. (Petechim đã và đang đi cùng với Tổng Công ty, Tập đoàn trong việc phát triển các dự án ở nước ngoài như tại Cambodia, Myanmar, Cuba, Nga, các nước SNG. Đây sẽ là hướng đi mới của Công ty để vươn xa và khẳng định mình trên thị trường quốc tế)

##### **5. Các rủi ro:**

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tuy đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ biến động mạnh.
- Xuất hiện nguy cơ biến động tỷ giá của tiền đồng Việt Nam so với các đồng ngoại tệ khác.
- Giá dầu có sự sụt giảm mạnh, chưa có dấu hiệu phục hồi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước.
- Mục tiêu của Tập đoàn trong việc tăng trưởng hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí sẽ tạo áp lực đáng kể cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Một số hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, tạo tâm lý e ngại cho khách hàng khi giao các dự án lớn cho Petechim thực hiện.
- Hoạt động đầu tư của Công ty chưa hiệu quả, chưa tạo nên tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2016, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các đối tác truyền thống trong ngành như Vietsovpetro, PVEP POC... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi quan trọng giúp Công ty giữ vững được thị trường truyền thống và nâng cao vị thế trong ngành để phát triển mảng dịch vụ thương mại của mình, tạo nền tảng vững chắc đáp ứng nhu cầu mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty.
  - Năm 2016 cũng là giai đoạn Công ty Petechim tập trung phát triển mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là các lĩnh vực: công nghệ thông tin, tự động hóa và công nghệ pha trộn các sản phẩm dầu khí.
  - Tuy nhiên, năm 2016 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do sự xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới; cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước.
  - Hoạt động đổi mới doanh nghiệp của Petechim trong năm 2016 tiếp tục được chú trọng, nhằm tạo nội lực mới cho doanh nghiệp trong bối cảnh tình hình kinh tế xuất hiện nhiều khó khăn, thử thách.
- ❖ Trong bối cảnh đó, các hoạt động của Công ty Petechim trong năm 2016 tập trung vào những việc trọng tâm sau:
- Thực hiện các hợp đồng đã ký và triển khai các dự án dự nguồn từ năm 2015.
  - Đăng ký, phân bổ kế hoạch và phát động phong trào thi đua năm 2016.
  - Khảo sát và nghiên cứu thị trường nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ thương mại, đặc biệt chú trọng tìm hướng đi mới mở rộng ra ngoài phạm vi Tổng công ty Dầu Việt Nam.
  - Tham gia đấu thầu các dự án mới và triển khai các hợp đồng ký mới.
  - Tiếp quản Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC).
  - Theo dõi chặt chẽ tình hình và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
  - Xử lý các tồn đọng và quyết toán những dự án trước đây với Tổng công ty Dầu Việt Nam và các công nợ quá hạn khó đòi tại một số Công ty liên quan khác.
  - Tiến hành các thủ tục đề nghị tái cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và duy trì chứng chỉ ISO của Công ty.
  - Tổ chức đào tạo Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (Theo OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (Theo ISO 14001:2004) cho toàn thể CBNV Công ty.

- Tiến hành thủ tục cho các đợt đánh giá chuẩn bị cấp chứng chỉ OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004 cho Công ty.
- Thực hiện lộ trình thoái vốn ra khỏi các doanh nghiệp Petechim không nắm cổ phần chi phối, gồm:
  - Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC);
  - Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ);
  - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn);
  - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2016 của Công ty Petechim như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

S T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	% so với KH năm 2016	% so với năm 2015
1	Doanh thu	1.100.000	729.562,78	66,32%	67,24%
2	Giá vốn	988.250	672.098,60	68,01%	67,30%
3	Chi phí	80.500	50.663,65	62,94%	58,61%
4	LNTT	31.250	6.800,53	21,76%	37,54%
5	LNST	25.000	4.674,80	18,70%	32,66%

*(Số liệu tính đến hết 31/12/2016 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2016)*

Đánh giá kết quả thực hiện:

Về doanh thu

Trong năm 2016 Công ty Petechim đạt được doanh thu là 729,56 tỷ đồng, đạt 66,32% kế hoạch doanh thu cả năm, chỉ bằng 67,24% so với năm 2015.

Về lợi nhuận

Trong năm 2016, lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim đạt 6,80 tỷ đồng, đạt 21,76% kế hoạch cả năm, bằng 37,54% so với năm 2016.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

– Danh sách Ban điều hành:

- Ông **Hoàng Dương** – Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 19 – 08 – 1960.

Số CMND: 022010865, cấp ngày 16 – 12 – 2015 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học – Chuyên ngành đường ống bể chứa dầu

- Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 13 – 09 – 1963.

Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.



Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

- Ông **Lê Thành Đức** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24 – 11 – 1969

Số CMND: 023425287 cấp ngày 28 – 06 – 1997 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Ông **Trần Trung Chí Hiếu** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01 – 02 – 1963

Số CMND: 161355616 cấp ngày : 20 – 6 – 2008 tại Nam Định.

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế.

- Bà **Đỗ Thị Bích Hà** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20 – 11 – 1970

Số CMND: 023668904 cấp ngày 22 – 7 – 2007 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

- Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 27 – 02 – 1982

Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.

Trình độ: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

– Những thay đổi trong Ban điều hành: Có thay đổi

- Ông **Lê Thành Đức** – Phó Tổng giám đốc chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01/10/2016.

- Bà **Đỗ Thị Bích Hà** được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/10/2016.

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 70 người

– Chính sách đối với người lao động:

- Tóm tắt chính sách:

+ Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là nửa tháng lương).

+ Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đào tạo đúng đối tượng;

+ Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động thể hiện ở vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính

chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.

+ Người lao động ký hợp đồng lao động 01 năm trở lên được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; được cấp đồng phục Công ty; được tham gia khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm;

+ Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; lao động nữ sinh con, nghỉ thai sản; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp nằm viện...

- Thay đổi chính sách đối với người lao động năm 2016:

+ Công ty triển khai tái cấu trúc lại các phòng ban, bố trí lại nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả công việc của từng cán bộ nhân viên.

+ Công ty tiếp tục thực hiện việc mua bảo hiểm PVI Care cho người lao động theo Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm con người năm 2016 số: 44/PETE.TCKT-PVI/07-2010/16/PL01 Pias: 15/16/04/CSSK/PC00083 ký ngày 15/4/2016 giữa Công ty Petechim và Công ty Bảo hiểm Dầu khí PVI Vũng Tàu, nhằm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh của CBNV với trách nhiệm và quyền lợi cao, đặc biệt bảo vệ người lao động trong các trường hợp rủi ro như: tử vong, tàn tật, tai nạn, nằm viện, phẫu thuật...

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính: VNĐ đồng

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
1	<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>CÔNG TY CP TM NẮNG LƯỢNG XANH</b> Ngày góp vốn: 23/09/2012 Người đại diện: 1. Đỗ Thị Bích Hà (Phó Tổng giám đốc); 2. Nguyễn Quang Trung (Trưởng BKS)	Vốn điều lệ	20.000.000.000
			Vốn Petechim góp	<b>9.526.687.800</b>
			Tỉ lệ sở hữu	<b>51%</b>
			Doanh thu 2016	407.561.349.513
			Lợi nhuận sau thuế 2016	<b>5.080.913.333</b>
			Tỉ lệ chia cổ tức 2016	20,83%
			2	<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>
Vốn Petechim góp	<b>2.900.000.000</b>			
Tỉ lệ sở hữu	<b>25%</b>			
Doanh thu 2016	89.943.170.120			
Lợi nhuận sau thuế 2016	<b>3.355.526.341</b>			
Tỉ lệ chia cổ tức 2016	-			
3	<b>Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn</b> Ngày góp vốn: 14/02/2011 Người đại diện: Trần	Vốn điều lệ	200.000.000.000	
		Vốn Petechim góp	<b>11.000.000.000</b>	
		Tỉ lệ sở hữu	<b>5,50%</b>	
		Doanh thu 2016	2.868.925.487.227	

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
4		<i>Mạnh Hùng - Phó Tổng giám đốc</i>	Lợi nhuận sau thuế 2016	<b>5.678.101.204</b>
			Tỉ lệ chia cổ tức 2016	-
		<b>Công ty CP SX&amp;Chế biến DK Phú Mỹ</b> <i>Ngày góp vốn: 22/03/2011</i> <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng</i> <i>Chức danh: Phó tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	500.000.000.000
			Vốn Petechim góp	<b>10.000.000.000</b>
			Tỉ lệ sở hữu	<b>2%</b>
			Doanh thu 2016	514.509.510.346
			Lợi nhuận sau thuế 2016	6.189.055.761
Tỉ lệ chia cổ tức 2016	-			
5		<b>Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung</b> <i>Ngày góp vốn: 09/11/2011</i> <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng</i> <i>Chức danh: Phó Tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	140.000.000.000
			Vốn Petechim góp	<b>3.000.000.000</b>
			Tỉ lệ sở hữu	<b>2,14%</b>
			Doanh thu 2016	1.674.661.854.093
			Lợi nhuận sau thuế 2016	<b>11.985.636.446</b>
			Tỉ lệ chia cổ tức 2016	5%
6		<b>Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)</b> <i>Ngày góp vốn: 31/12/2013</i> <i>Người đại diện: 1. Hoàng Dương – Tổng giám đốc; 2. Nguyễn Quang Trung – Trưởng Ban kiểm soát</i>	Vốn điều lệ	42.352.900.000
			Vốn Petechim góp	<b>21.960.000.000</b>
			Tỉ lệ sở hữu	<b>51,85%</b>
			Doanh thu 2016	80.042.530.846
			Lợi nhuận sau thuế 2016	<b>3.558.678.884</b>
			Tỉ lệ chia cổ tức 2016	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ</b>			<b>57.986.690.000 VNĐ</b>	

- Công ty Petechim đang tiến hành các thủ tục thoái vốn khỏi các doanh nghiệp không nắm cổ phần chi phối. Do việc chào bán rộng rãi trên thị trường vào thời điểm này lại không thuận lợi nên việc thoái vốn của Petechim đang gặp phải nhiều khó khăn.
- Tính đến hết năm 2016, tổng giá trị đầu tư góp vốn còn lại của Công ty Petechim là 57.986,69 triệu đồng.

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	494.167.317.599	497.870.289.545	Tăng 0,75 %
Doanh thu thuần	1.077.055.144.503	718.192.281.924	Giảm 33,32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.079.198302	2.845.893.638	Giảm 81,13 %
Lợi nhuận khác	1.781.992.488	3.115.749.800	Tăng 74,85 %
Lợi nhuận trước thuế	18.117.755.118	6.800.525.023	Giảm 62,46 %
Lợi nhuận sau thuế	14.313.670.649	4.674.803.965	Giảm 67,34 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.5%	-	Giảm 100,00%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>
<b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>		
HS thanh toán nhanh	1,45	1,53
HS thanh toán hiện thời	2,07	1,98
<b>Chỉ tiêu cơ cấu tài chính</b>		
Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản	42,78%	44,54%
Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH	74,76%	80,31%
<b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay khoản phải thu	4	6
Kỳ thu tiền bình quân	100	63
Số vòng quay hàng tồn kho	7	7
Số ngày tồn kho	51	46
<b>Khả năng sinh lời</b>		
LN gộp biên = Lợi nhuận gộp /doanh thu thuần	7,26%	6,42%
ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	1,19%	0,07%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
- Tổng số cổ phần: 20.000.000 Cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Tổng số cổ đông tính đến ngày 31/03/2017: 2.819 cổ đông.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm trên 5%:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	58.000.000.000	29,00%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An	VNĐ	46.200.000.000	23,10%
3	Công ty CP Chứng khoán Phú Gia	VNĐ	29.800.000.000	14,90%
4	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank)	VNĐ	22.000.000.000	11,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>156.000.000.000</b>	<b>78,00%</b>

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	14.500.000.000	29,00%
2	Nguyễn Lê Minh	VNĐ	7.630.000.000	15,26%
3	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương	VNĐ	3.370.000.000	6,74%

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
	mại Nhật Việt			
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VNĐ	2.500.000.000	5,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>28.000.000.000</b>	<b>56,00%</b>

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có, do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

**6.2 Tiêu thụ năng lượng**

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Công ty hoạt động chính tại Trụ sở nên việc tiêu thụ năng lượng chủ yếu là điện phục vụ cho văn phòng. Hiện tại Công ty sử dụng tất cả các thiết bị tiêu thụ tiết kiệm điện nên việc sử dụng điện vào khoảng 15.000 kwh/tháng.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

**6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không sử dụng cho hoạt động kinh doanh, chỉ sử dụng cho sinh hoạt với mức tiêu thụ không đáng kể.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

**6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

**6.5 Chính sách liên quan đến người lao động**

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:  
Số lượng lao động bình quân trong năm là 70 người; mức lương trung bình là 10 triệu đồng/người/tháng.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty tuân thủ nghiêm túc Bộ luật Lao động và các chính sách về an toàn, bảo hiểm... nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người lao động. Công ty đã

được cấp chứng nhận về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 18001:2007 từ tháng 01/2016.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo khi được tuyển dụng theo hướng kèm cặp trực tiếp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai trong năm, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ trẻ tự kỷ và khuyết tật...

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn lại chặng đường hoạt động trong năm 2016, Công ty Petechim tự đánh giá các kết quả đạt được như sau:

Công ty Petechim đạt được doanh thu là 729,56 tỷ đồng, đạt 66% kế hoạch doanh thu cả năm và lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim đạt 6,80 tỷ đồng, đạt 22% kế hoạch doanh thu cả năm.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch là do Công ty Petechim phải đương đầu với những khó khăn:

- Thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới;
- Hoạt động thương mại chủ yếu tập trung vào công tác đấu thầu trong khi mức độ cạnh tranh trên thị trường cao hơn nhiều so với thời kỳ trước nên công tác thương mại gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh tế không cao như kỳ vọng;
- Tình hình giá dầu sụt giảm liên tục trong năm 2016, nhiều nhà thầu lớn như VSP, JOC... cắt giảm chi phí thăm dò khai thác mỏ, các khoản đầu tư cho dự án bị trì hoãn, các đơn hàng giảm mạnh... làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty Petechim.
- Chi phí bán hàng và quản lý ngày càng tăng cao, cộng với việc trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư cũng làm giảm đáng kể lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Do đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 không được như kỳ vọng và sụt giảm so với năm 2015.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty Petechim cùng với tất cả các CBCNV Công ty luôn nỗ lực và đã vượt qua được giai đoạn khó khăn này để đảm bảo tốt các quyền lợi của cổ đông đồng thời gìn giữ và phát huy được uy tín của thương hiệu Petechim trên thị trường; giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới do Công ty làm chủ công nghệ và tiếp tục đổi mới có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phát huy được những thế mạnh của mô hình công ty cổ phần.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tăng trưởng:

- Doanh thu Công ty năm 2016 có sự sụt giảm mạnh, đạt 718,19 tỷ VNĐ giảm 33,32% so với năm 2015. Trong đó doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ giảm 21,32% và doanh thu cung cấp chất phụ gia xăng dầu giảm 78,37% so với cùng kì.
- Quy mô tổng tài sản tăng không đáng kể so với năm 2015 tăng 0,75%. Trong đó chỉ tiêu các khoản phải thu giảm 20,06% so với cùng kì. Do công ty có những biện pháp thúc đẩy thu hồi công nợ một cách quyết liệt, tuy nhiên vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn so với tỷ lệ giảm doanh thu tương ứng.

### b) Tình hình thanh khoản:

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đang là 1,98 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng ở mức tương tự trong khoảng 1,45 đến 1,53. Điều này cho thấy Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kì kinh doanh).

### c) Năng lực hoạt động:

Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân và số ngày tồn kho tăng lên đáng kể so với cùng kì. Cụ thể:

- Số ngày phải thu đang ở mức 63 ngày giảm 36 ngày so với năm 2015. Chỉ tiêu này cho thấy việc quản lý công nợ của công ty đang rất tốt. Công ty đang có chính sách bán hàng phù hợp cho từng đối tác nhằm đảm bảo việc thu hồi công nợ một cách nhanh nhất.
- Chỉ tiêu số ngày tồn kho giảm 5 ngày giảm không đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy công ty quản trị hàng tồn kho vẫn chưa tốt, Trong đó lượng tồn kho lớn thuộc hợp đồng cung cấp ống Casing cho PVD vẫn chưa giải quyết.

### d) Khả năng sinh lời:

- Lợi nhuận gộp biên năm 2016 giảm 0,84% so với năm 2015. Do tỷ trọng giá vốn/doanh thu cũng tăng tương ứng từ 92,72% lên 93,58% trong năm 2016. Điều này có thể giải thích do việc quản lý chi phí của công ty tương đối ổn định một số đơn hàng vật tư, thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài chịu tác động bởi sự biến động nhẹ về tỷ giá của đồng ngoại tệ USD dẫn đến chi phí mua hàng tăng, tuy nhiên khả năng sinh lời của một đồng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng không thay đổi nhiều so với cùng kỳ.
- Chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) của Công ty năm 2016 giảm nhiều, tỷ lệ chi phí/doanh thu tăng 1,29% so với cùng kì. Hoạt động tài chính đạt hiệu quả hơn, tăng 117,83% so với năm 2015. Do việc quản lý rất tốt vốn nhàn rỗi từ nguồn tiền thu được của công nợ khách hàng, tạo được nguồn vốn lưu động chắc chắn cho công ty. Tuy nhiên chỉ số ROS giảm từ 1,19% (2015) về 0,07% (2016) và chỉ số ROA giảm từ 2,59% (2015) xuống 0,09% (2016) do tốc độ sụt giảm tổng tài sản mạnh hơn tốc độ sụt giảm lợi nhuận ròng.

### e) Đòn bẩy tài chính:

Trong năm 2016, Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế của đòn bẩy nợ tài chính thông qua các kênh:

- Vay từ ngân hàng 130,490 tỷ, đây là các khoản vay có kỳ hạn ngắn (3 tháng; 6 tháng) với mức lãi suất từ 5% – 6%/năm.
- Chiếm dụng vốn từ khách hàng, giảm số ngày trả tiền bình quân từ 101 trong năm 2015 xuống 47 ngày trong năm 2016, điều này cho thấy năm nay doanh nghiệp thanh toán nhanh hơn năm trước.

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2015	So sánh
Vòng quay khoản phải trả	Lần/Vòng	3,75	1,69	Tăng 2,06 vòng
Số ngày trả tiền bình quân	Ngày	47	101	Giảm 54 ngày

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 để đạt được các mục tiêu và chính sách chất lượng an toàn môi trường đã đề ra là: Đem đến cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của mình; Luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các nét chính trong hoạt động SXKD của Công ty Petechim giai đoạn 2016-2016 được dự báo như sau:

#### a. Hoạt động dịch vụ

##### Dịch vụ nhập khẩu ủy thác:

Tìm kiếm các hợp đồng ủy thác mới trong lĩnh vực cung ứng vật tư, thiết bị, công trình dầu khí.

##### Dịch vụ hậu cần, đại lý hàng hải và cung cấp nhiên liệu:

Tiếp tục triển khai các hoạt động dịch vụ truyền thống gồm:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa cho các nhà thầu dầu khí;
- Dịch vụ đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và tàu khảo sát địa chấn;
- Dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà thầu dầu khí và các nhà điều hành mỏ (JOC/POC).

Ngoài ra, Công ty tiếp tục tìm hiểu thị trường các mặt hàng kinh doanh khác để triển khai kinh doanh khi có cơ hội tốt.



## **b. Hoạt động thương mại**

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung ứng các sản phẩm đặc trưng của Petechim trong giai đoạn vừa qua như:

- Ống thép cho các công trình dầu khí;
- Thiết bị địa vật lý giếng khoan;
- Thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu;
- Hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn;
- Giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí.

Tăng cường quan hệ với các khách hàng truyền thống: Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil); Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro; Các nhà điều hành mỏ (JOC); Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP); Nhà máy Lọc dầu Bình Sơn (BRS)...

Với định hướng tham gia góp vốn vào các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Sovico Hoiding sẽ tạo điều kiện quyết định cho Công ty Petechim trong việc tham gia các dự án lớn với vai trò cung ứng dịch vụ và vật tư thiết bị.

Bên cạnh đó, Petechim tiếp tục phát triển mối quan hệ và tham gia vào chuỗi cung ứng của các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới đồng thời tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm cung ứng cho thị trường và tìm kiếm khách hàng trong những lĩnh vực và thị trường mới.

## **c. Hoạt động pha chế xăng dầu**

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện công nghệ làm tăng hiệu quả của sản phẩm.
- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động cung ứng sản phẩm đặc trưng (CN120) của GEC.
- Tăng cường hợp tác với khách hàng truyền thống là Nhà máy PV Oil Phú Mỹ thực hiện phát triển các hợp đồng mới, đồng thời tìm kiếm phát triển các khách hàng mới như Sài Gòn Petro, Petrolimex và thị trường các nước có nhu cầu pha chế như Lào, Campuchia.

## **d. Hoạt động Công nghệ thông tin**

- Tiếp tục triển khai để hoàn tất dứt điểm các hợp đồng đang dang dở của mạng CNTT.
- Phối hợp hỗ trợ thực hiện hoạt động kinh doanh với Công ty PAIC

## **e. Hoạt động đầu tư, quản lý vốn**

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty, quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp bên ngoài.
- Tiếp tục thực hiện thoái vốn theo lộ trình được HĐQT phê duyệt.

- Nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới.
- f. Công tác tổ chức nhân sự và đào tạo**
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa.
  - Áp dụng cơ cấu tính lương mới phù hợp với năng lực chuyên môn của từng CBNV.
  - Lập và triển khai kế hoạch đào tạo, tự đào tạo để nâng cao nghiệp vụ và các kỹ năng cho người lao động.
- g. Công tác đổi mới doanh nghiệp**
- Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
  - Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (Theo OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (Theo ISO 14001:2004) trong toàn Công ty.
- h. Công tác phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ**
- Tiếp tục triển khai định hướng phát triển các ứng dụng CNTT trong ngành.
  - Mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ sang nhiều lĩnh vực khác.
- i. Công tác xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể**
- Phối hợp với Công đoàn Công ty trong việc đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo quy định của Luật Lao động.
  - Phối hợp với Đoàn Thanh niên Công ty trong việc phát triển các hoạt động của thanh niên theo quy định của Luật Thanh niên.
  - Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Công ty.
  - Khuyến khích CBNV Công ty tham gia vào các công tác xã hội, từ thiện, môi trường ...
5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không có
6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:*
- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...):  
 Như đã phân tích ở trên, mức tiêu thụ năng lượng, nước tại trụ sở của Công ty tương đối ít, song song đó lượng chất thải hàng ngày chủ yếu là rác thải sinh hoạt nên không tác động đáng kể đến môi trường.
  - b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:  
 Người lao động được Công ty áp dụng đầy đủ các chính sách bảo hiểm, an toàn, phúc lợi.
  - c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty tham gia đầy đủ trách nhiệm đối với địa phương bằng việc đóng góp các quỹ theo quy định cũng như tích cực trong các hoạt động ủng hộ, thiện nguyện vì cộng đồng.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong năm 2016, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các đối tác truyền thống Vietsovpetro, PVEP POC... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

Năm 2016 vẫn là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn, biến động của nền kinh tế xã hội nói chung và của ngành dầu khí nói riêng khi tình hình giá dầu vẫn không mấy khởi sắc. Các khách hàng truyền thống của Công ty hầu hết đã cắt giảm quy mô đầu tư, mua sắm trong lĩnh vực khoan và khai thác dầu khí.

Ngoài ra, một vài hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, tạo tâm lý e ngại cho khách hàng khi giao các dự án lớn cho Petechim thực hiện. Bên cạnh đó, một loạt các dự án Petechim tham gia đấu thầu và trúng thầu đã ngưng triển khai do chủ đầu tư cắt giảm chi phí như dự án khoan giếng lô 15 Camphuchia, cung cấp vật tư chế tạo kết cấu thép hệ thống vận chuyển than và đá vôi dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1...

Trước thực tiễn nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã xác định:

- Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm dầu khí cho các công ty Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các nhà thầu nước ngoài; Cung ứng các loại hình Dịch vụ cho khâu trước và khâu sau của ngành dầu khí, Đại lý và dịch vụ hàng hải, Dịch vụ hậu cần, Dịch vụ tư vấn, Quản lý dự án ...
- Mở rộng thị trường, khách hàng nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả, liên danh đấu thầu;
- Nắm bắt cơ hội kinh doanh ngoài ngành khi dự án đánh giá có tính khả thi và an toàn nguồn vốn;
- Đẩy nhanh tốc độ thực hiện các dự án đầu tư đã và đang thực hiện;
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được nhanh chóng triển khai và thực hiện tốt, mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty;
- Thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu chi phí hoạt động chung của Công ty (cơ cấu lại bộ máy tổ chức, thu gọn và cho thuê một phần diện tích văn phòng, thanh lý tài sản dư thừa, cắt giảm các chi phí hành chính, công tác phí, phúc lợi, khen thưởng ...);
- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ;
- Thực hiện tốt qui chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Mặc dù kết quả SXKD năm 2016 của Công ty và nhóm Công ty thấp, chưa đáp ứng được kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 giao cho nhưng cũng đã thể hiện được sự trăn trở, quyết tâm, tinh thần đoàn kết giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV trong công ty trong việc khắc phục khó khăn và dần tiến đến ổn định. Kết quả hợp nhất cơ bản mà Công ty và nhóm Công ty đã đạt được trong năm 2016 như sau:

- Giá trị tổng tài sản đạt trên 499,83 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác đạt hơn 729,56 tỷ đồng, đạt 66% so với kế hoạch ĐHCĐ giao;
- Nộp ngân sách Nhà nước trên 47,84 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 6,80 tỷ đồng, đạt 22% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt trên 4,67 tỷ đồng đạt 19% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ đạt trên 0,47 tỷ đồng;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt: 21 đ/CP;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 0%;
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu: 1,68%
- Lương bình quân của người lao động: 10.000.000 đồng/ tháng

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty**

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, bổ sung sửa đổi lần 7, ngày 14/04/2016;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, ban hành ngày 26/04/2013.

HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Trong năm 2016, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ các quy định của Công ty. Ban điều hành cũng đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT theo đúng trình tự và thống nhất trong tổ chức thi hành Nghị quyết/ Quyết định.

Tổng giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty và của HĐQT quy định. Các cán bộ quản lý, các Phòng/ Ban thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ được giao với năng suất hiệu quả cao. Cụ thể như sau:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tốt tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty vào ngày 13/4/2016 tại trụ sở chính của Công ty.
- Tổng giám đốc Công ty đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
- Tổng giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
- Tổng giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt việc cấp mới và tái sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại các ngân hàng HDBank (100 tỷ), PVcomBank – CN Tp. HCM (100 tỷ), Vietinbank – CN 7 Tp. HCM (200 tỷ), BIDV – CN Gia Định (200 tỷ), HSBC (90 tỷ) nhằm phục vụ các hoạt động SXKD trong các năm 2016 và 2017 của Công ty.
- Đầu năm 2017, Ban điều hành đã hoàn thành việc ký kết thỏa thuận hợp tác với Vietsovpetro nhằm củng cố mối quan hệ hợp tác lâu dài với VSP và nâng cao vị trí của Công ty với các đối tác.
- Thực hiện chỉ đạo của HĐQT, Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định để công tác quản lý Công ty được sâu sát, hiệu quả hơn: Quy chế số 58/QĐ-TMDK ngày 23/3/2016 về việc quản lý vốn vào các doanh nghiệp; Quyết định số 118/QĐ-TMDK ngày 18/10/2016 về việc phân công nhiệm vụ trong Ban TGD; Quyết định số 94/QĐ-TMDK ngày 02/7/2016 về việc ban hành quy chế hoạt động của Phòng Kế hoạch Đầu tư;
- Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ Thường niên năm 2016, Tổng giám đốc đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông của Công ty từ ngày 05/05/2016. Đến thời điểm báo cáo, 91,19% cổ tức năm 2015 đã được chi trả cho các cổ đông.
- Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- Năm 2016, Tổng giám đốc đã hoàn thành việc đánh giá định kỳ các chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001:2004).
- Công tác nhân sự, đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng và đạt kết quả tốt.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

➤ **Mục tiêu chiến lược:**

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu quản lý, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin về các hoạt động của Công ty, làm cơ sở để cổ đông giám sát hoạt động của Công ty.
- Hoàn thiện cơ chế và quản lý tốt việc thực hiện các quy định, quy trình về quản lý phần vốn góp tại các dự án/ doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động đầu tư của Công ty.
- Có chính sách dự phòng tài chính nhằm ứng phó các nguy cơ rủi ro và đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với lộ trình phát triển của Công ty.
- Xây dựng đề án chiến lược SXKD của Công ty đến năm 2020 nhằm định hướng và phát triển Công ty bền vững.
- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho lộ trình phát triển của Công ty.
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, khách hàng tiềm năng để tranh thủ tiềm năng và thế mạnh của các dự án đầu tư trọng điểm.
- Tăng cường hoạt động quảng bá, quan hệ công chúng để tìm kiếm các cơ hội đưa các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường vào triển khai ứng dụng thực tiễn.
- Xem xét việc đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (sàn Upcom), tiến tới đưa cổ phiếu của Petechim lên sàn giao dịch chứng khoán vào thời điểm thích hợp nhằm nâng cao vị thế của Petechim và thu hút vốn đầu tư từ kênh chứng khoán.

Đây là những công tác trọng tâm nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao vị thế cạnh tranh của Petechim trong giai đoạn phát triển và hội nhập.

➤ **Kế hoạch hoạt động:**

a. *Hoạt động kinh doanh*

Bên cạnh việc tiếp tục các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện trong năm 2016, Công ty Petechim sẽ triển khai thực hiện những công việc sau:

- Chú trọng phát triển hoạt động cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí - hoạt động kinh doanh cốt lõi của Petechim cho 2 đối tượng chính: các chủ đầu tư Việt Nam (Vietsovpetro, PVEP, các JOC, POC, Nhà máy lọc dầu Dung Quất ...) và các chủ đầu tư nước ngoài (Rosneft, SOCO, Murphy, Perenco, ExxonMobil ...). Bên cạnh đó, Công ty cần phải tận dụng mối quan hệ với nhóm cổ đông Sovico Holdings, Vietjet Air, HDBank và các mối quan hệ khác liên quan đến nhóm cổ đông này để có thể cung cấp tối đa các dịch vụ cho họ.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung ứng các sản phẩm đặc trưng của Petechim trong giai đoạn vừa qua như: ống thép cho các công trình dầu khí, thiết bị địa vật lý giếng khoan, thiết bị cho phòng thí nghiệm, thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu, hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn, giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí.

- Tăng cường mối quan hệ khách hàng truyền thống (Vietsovpetro, PV Oil, PVEP, PVEP POC, Nhà máy lọc dầu Bình Sơn, Vietgazprom, các nhà điều hành mỏ JOC...), tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường, khách hàng tiềm năng, các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới như GE, Honeywell, HHI, các đối tác của Vietjet Air, HDBank, đặc biệt là các công ty dầu khí Nga tại Việt Nam như Lukoil, Rosneft, Gazprom, Zarubezhneft ... nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả liên danh đầu thầu, tiến đến ký kết các hợp đồng hợp tác chiến lược/ đại lý độc quyền, tạo đà phát triển ổn định và bền vững cho Công ty.
- Tiếp tục nhận sự hỗ trợ của các cổ đông lớn của Công ty như PV Oil, Sovico Holdings/ HDBank/ Vietjet Air trong các hoạt động cung cấp các loại hình dịch vụ và thương mại liên quan.
- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp HĐQT để chỉ đạo kịp thời các mặt hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót và tồn tại.
- Đứng trước dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2017 với nhiều khó khăn như: thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt, giá dầu thô chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ, các khoản đầu tư của các nhà khai thác mỏ trong và ngoài nước nhiều khả năng sẽ bị hạn chế hoặc cắt giảm nhiều, chủ trương cắt giảm chi phí đầu tư, chi phí quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nói chung và của các công ty dầu khí thuộc Tập đoàn nói riêng, HĐQT đã xem xét và thống nhất xây dựng các chỉ tiêu kinh tế dự kiến cơ bản của Công ty Petechim năm 2017 như sau:

Riêng Công ty Petechim

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017 dự kiến
1	Doanh thu	840.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	808.750.000.000
3	Tổng quỹ lương	12.500.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	18.750.000.000
5	Thuế TNDN (20%)	3.750.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.000.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	6%
8	Nộp ngân sách Nhà nước	40.000.000.000
9	Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động	10.000.000
10	Chi phí quản lý	17.634.000.000

Hợp nhất Công ty con

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017 dự kiến
1	Tổng doanh thu	1.300.000.000.000
2	Tổng chi phí	1.270.250.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	29.750.000.000
4	Thuế TNDN (20%)	5.950.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.800.000.000
6	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	17.565.400.000

b. *Hoạt động đầu tư*

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Quản lý tốt công tác kinh doanh của Công ty, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tối đa hóa lợi nhuận của nguồn vốn;
- Quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp/ dự án và có phương án thoái vốn an toàn trong trường hợp cần thiết;
- Tăng cường quản lý và phát triển các hoạt động SXKD tại các công ty con: Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC), Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC);
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước. Cùng với nhóm cổ đông Sovico Holdings, Petechim sẽ xem xét việc đầu tư góp vốn vào PV Oil, PV Power, NMLD Dung Quất, các Xí nghiệp của Vietsovpetro khi các đơn vị này tiến hành cổ phần hóa hoặc thành lập các công ty cổ phần.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác quản lý đầu tư nhằm quản lý các danh mục đầu tư hiệu quả và đáp ứng được các mục tiêu của Công ty đề ra khi tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án/ doanh nghiệp.

c. *Kế hoạch thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho:*

Đây được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong năm 2017.

HĐQT tiếp tục theo dõi sát sao và đôn đốc mạnh mẽ Ban điều hành Công ty xử lý các công nợ và hàng tồn kho. Trong trường hợp cần thiết, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục pháp lý để thu hồi phần vốn tồn đọng và các chi phí tài chính (nếu có) tại các công ty nêu tại Mục 4 Phần I của Báo cáo. Đồng thời, Công ty sẽ lên các phương án xử lý dứt điểm hàng tồn kho nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính của Công ty.

d. *Công tác cổ phần, cổ phiếu:*

- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2017 dự kiến: 6%



- Tiếp tục lưu ký chứng khoán cho các cổ đông Công ty tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, xem xét việc đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), tiến tới đưa cổ phiếu của Petechim lên sàn giao dịch chứng khoán vào thời điểm thích hợp nhằm nâng cao vị thế của Petechim, thu hút vốn đầu tư từ kênh chứng khoán.

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### 1. Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Về báo cáo tài chính riêng năm 2016:

Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016:

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2016” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016” của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đính kèm.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- HĐQT. NXTC – 03b

#### Đính kèm:

- Phụ lục số 01;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Deloitte Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Dương**

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**(Đính kèm Báo cáo số 350/BC-TMDK, ngày 20/4/2017)**

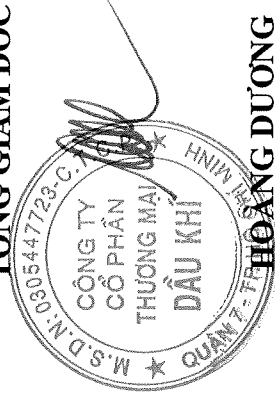
STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	<b>CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG XANH (GEC)</b> (Địa chỉ: Ô1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã BR-VT)	Mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ; Sản xuất, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp.	9,526,687,800	51%
2	Công ty liên kết	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC)</b> (Tầng 10, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số 173 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyên giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình). Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm	18,360,000,000	43.35%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
3	Công ty liên kết	<b>CÔNG TY CP HẬU CÀN DẦU KHÍ (PVLSC)</b> (Địa chỉ: Khu Trung tâm DV Công Cộng, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa)	<p>thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chi hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.</p> <p>Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú (bao gồm cả khách sạn, biệt thự, nhà trọ); Kinh doanh dịch vụ ăn uống: nhà hàng, quầy bar, phục vụ suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ điện tử, tin học, dịch vụ internet; Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm định máy móc, thiết bị công nghiệp, dầu khí, xăng dầu; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy; Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất, hóa phẩm ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp; Mua bán trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ môi trường; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển; Vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Cho thuê ô tô; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ khác liên quan đến vận tải; Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các</p>	2,900,000,000	25%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
4	Công ty liên kết	<b>CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN (PV Oil Sài Gòn)</b> (Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)	công trình khác; Dịch vụ vệ sinh giặt lá; Các dịch vụ phục vụ cá nhân khác; Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Cung ứng dịch vụ và các cơ sở luyện tập thể dục thể thao; Nhà thuốc, phòng khám, cơ sở y tế. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.	11,000,000,000	5.50%
5	Công ty liên kết	<b>CÔNG TY CP SẢN XUẤT &amp; CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PV Oil Phú Mỹ)</b> (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)	Bán buôn / bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị,	10,000,000,000	2.00%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
6	Công ty liên kết	<b>CÔNG TY CP XĂNG DẦU ĐÀU KHÍ MIỀN TRUNG (PV Oil Miền Trung)</b> (Địa chỉ: 92-94, Lê Trung Đình, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi)	<p>hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.</p> <p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất cảm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).</p>	3,000,000,000	3.50%

Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 28





## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2016)
Ông Bùi Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2016)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Dương**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số: 364 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập Ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả vụ kiện mà Công ty đang kiện Công ty TNHH Hưng Yên liên quan đến khoản nợ phải thu từ Công ty TNHH Hưng Yên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0733-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Bui Quoc Anh".

**Bùi Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2133-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>307.672.234.684</b>	<b>293.980.471.826</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>37.854.141.352</b>	<b>85.028.735.444</b>
1. Tiền	111		17.231.995.242	14.438.735.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.622.146.110	70.590.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	100.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>137.166.690.284</b>	<b>128.483.922.982</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	109.354.619.737	113.877.823.359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	27.322.488.992	15.778.415.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.512.161.977	1.297.866.250
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.022.580.422)	(2.470.182.161)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29.744.126.329</b>	<b>71.894.218.454</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	29.744.126.329	71.894.218.454
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.907.276.719</b>	<b>8.573.594.946</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		83.336.196	312.111.289
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.341.136.394	8.261.483.657
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	482.804.129	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>134.958.385.923</b>	<b>140.203.012.410</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	13.000.000	13.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.698.059.638</b>	<b>49.443.345.674</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	41.561.243.177	47.474.211.111
- Nguyên giá	222		61.226.605.781	66.009.735.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.665.362.604)	(18.535.524.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.136.816.461	1.969.134.563
- Nguyên giá	228		2.334.472.660	2.154.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(197.656.199)	(185.338.097)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>34.479.638.213</b>	
- Nguyên giá	231		34.652.902.727	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(173.264.514)	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>34.646.230.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	34.646.230.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>55.987.056.654</b>	<b>55.254.330.256</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.486.687.800	31.486.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.999.631.146)	(2.732.357.544)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>780.631.418</b>	<b>846.106.480</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		780.631.418	846.106.480
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>442.630.620.607</b>	<b>434.183.484.236</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>206.364.373.934</b>	<b>190.848.645.611</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>169.651.454.834</b>	<b>150.271.208.711</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	26.650.958.510	46.635.417.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		847.057.950	75.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	313.889.676	841.100.186
4. Phải trả người lao động	314		603.853.000	2.529.563.075
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.246.932.912	2.685.481.676
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.816.307.932	14.660.120.504
7. Vay ngắn hạn	320	20	130.490.611.800	82.473.601.466
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		681.843.054	370.924.526
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.712.919.100</b>	<b>40.577.436.900</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	21	36.712.919.100	40.577.436.900
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>236.266.246.673</b>	<b>243.334.838.625</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>236.266.246.673</b>	<b>243.334.838.625</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.986.403.149	34.881.416.421
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.279.843.524	8.453.422.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		742.448.748	1.432.196.858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		537.394.776	7.021.225.346
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>442.630.620.607</b>	<b>434.183.484.236</b>



**Phạm Thị Hồng Yên**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



  
**Hoàng Dương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

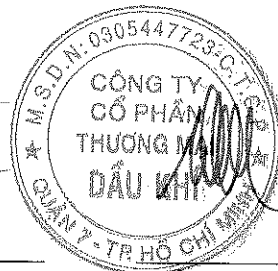
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		589.131.606.587		833.527.656.386	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		2.455.815.500	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	589.131.606.587		831.071.840.886	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	569.270.183.519		764.383.751.942	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.861.423.068		66.688.088.944	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.736.045.280		4.005.610.570	
7. Chi phí tài chính	22	28	5.406.547.952		16.113.559.984	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.491.070.600		5.975.648.202	
8. Chi phí bán hàng	25	31	12.614.401.926		23.729.079.899	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	14.064.054.025		21.274.743.136	
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(2.487.535.555)		9.576.316.495	
11. Thu nhập khác	31	29	3.074.305.715		3.338.369.875	
12. Chi phí khác	32	30	49.375.384		1.412.104.093	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.024.930.331		1.926.265.782	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		537.394.776		11.502.582.277	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-		2.358.517.415	
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>537.394.776</b>		<b>9.144.064.862</b>	



**Phạm Thị Hồng Yên**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Ngọc Anh**  
 Kế toán trưởng



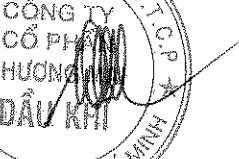
**Hoàng Dương**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>537.394.776</b>	<b>11.502.582.277</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.146.178.080	6.049.884.802
- Các khoản dự phòng	03	(2.180.328.137)	(3.088.401.711)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá	04	(306.852.660)	364.562.010
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.593.845.480)	(1.861.640.815)
- Chi phí lãi vay	06	3.491.070.600	5.975.648.202
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(2.906.382.821)</b>	<b>18.942.634.765</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(773.438.561)	398.825.545.335
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	42.150.092.125	53.558.805.397
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(27.411.455.225)	(366.449.856.396)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	294.250.155	131.223.435
- Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	6.151.859.811
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.286.165.332)	(6.246.511.070)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(778.705.772)	(2.062.615.772)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.288.194.568</b>	<b>102.851.085.505</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(186.672.727)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.237.669.752	-
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(100.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.600.000.000)
5. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	6.286.564.943	1.613.645.426
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(90.662.438.032)</b>	<b>(1.986.354.574)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	282.645.827.446	684.207.457.728
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(234.628.817.112)	(840.147.052.422)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.862.493.100)	(11.375.899.589)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>36.154.517.234</b>	<b>(167.315.494.283)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(47.219.726.230)</b>	<b>(66.450.763.352)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>85.028.735.444</b>	<b>151.469.646.564</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	45.132.137	9.852.232
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>37.854.141.352</b>	<b>85.028.735.444</b>

  
**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng

  
**Hoàng Dương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 53 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 98 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00	51,00	Kinh doanh chất, phụ gia xăng dầu
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Quận Đống Đa, Hà Nội	51,85	51,85	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Tỉnh Thanh Hóa	25,00	25,00	Dịch vụ hậu cần dầu khí

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Ví thể, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

002-C  
NH  
Y  
JUHA  
TE  
M  
CHI

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	393.652.095	519.469.197
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.838.343.147	13.919.266.247
Các khoản tương đương tiền	20.622.146.110	70.590.000.000
	<b><u>37.854.141.352</u></b>	<b><u>85.028.735.444</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3%-5,5% một năm (31 tháng 12 năm 2015: 4,7%-5,4% một năm).

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là từ 6%-6,2% một năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	34.822.914.742	-
Liên Doanh Vietsopetro	8.233.851.817	33.645.859.493
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	52.395.750	23.857.454.144
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	-	15.622.037.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.442.923.687	12.397.898.106
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	49.907.876.025	16.477.286.467
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.534.775.419	11.877.288.149
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	359.882.297	-
	<b><u>109.354.619.737</u></b>	<b><u>113.877.823.359</u></b>

**8. ỨNG TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	10.140.886.339	10.140.886.339
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	5.015.000.000	5.015.000.000
Công ty TNHH MTV DV KT & TM Ngọc Minh	9.899.312.315	13.552.594
Các khoản ứng trước khác	2.267.290.338	608.976.601
	<b><u>27.322.488.992</u></b>	<b><u>15.778.415.534</u></b>

(\*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2016/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2016. Công ty TNHH Hưng Yên đã tiến hành kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng và vụ việc đang chờ được xét xử phúc thẩm tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu về lãi tiền gửi	1.274.561.977	252.578.722
Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị	237.600.000	294.034.755
Các khoản thu hộ, chi hộ	-	751.252.773
	<b><u>1.512.161.977</u></b>	<b><u>1.297.866.250</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ	13.000.000	13.000.000
	<b><u>13.000.000</u></b>	<b><u>13.000.000</u></b>

**10. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Liên Doanh Vietsopetro	8.233.851.817	7.847.286.678	434.281.399	303.996.979
- Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	168.601.800	762.006.000	533.404.200
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	271.736.190	81.520.857	3.103.458.190	1.551.729.095
- Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	52.395.750	-	-	-
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	-	505.677.414	27.058.570
- CN Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	-	253.109.738	177.176.817
- Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	-	-	5.015.081	-
	<b>9.119.989.757</b>	<b>8.097.409.335</b>	<b>5.063.547.822</b>	<b>2.593.365.661</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>5.061.331.410</b>	<b>47.211.423.535</b>
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho HD Bank	1.770.585.625	-
- Bảo hành bảo trì thiết bị HB	1.089.771.460	-
- Hợp đồng nâng cấp đồng bộ PVOIL	676.458.789	-
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Vietsopetro	-	39.317.716.299
- Hợp đồng cung cấp hoá phẩm cho Vietsopetro	-	1.693.961.280
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho Việt Nam	-	1.494.910.550
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	888.528.336
- Các hợp đồng khác	1.524.515.536	3.816.307.070
<b>Hàng hóa</b>	<b>24.682.794.919</b>	<b>24.682.794.919</b>
	<b>29.744.126.329</b>	<b>71.894.218.454</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	46.621.913.606	6.313.287.014	13.018.620.445	55.914.748	66.009.735.813
Thanh lý	-	(4.621.006.164)	(162.123.868)	-	(4.783.130.032)
Số dư cuối năm	<u>46.621.913.606</u>	<u>1.692.280.850</u>	<u>12.856.496.577</u>	<u>55.914.748</u>	<u>61.226.605.781</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	4.341.083.527	3.607.785.948	10.530.740.479	55.914.748	18.535.524.702
Khấu hao trong năm	4.331.506.476	351.803.785	277.285.203	-	4.960.595.464
Thanh lý	-	(3.690.846.599)	(139.910.963)	-	(3.830.757.562)
Số dư cuối năm	<u>8.672.590.003</u>	<u>268.743.134</u>	<u>10.668.114.719</u>	<u>55.914.748</u>	<u>19.665.362.604</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	<u>42.280.830.079</u>	<u>2.705.501.066</u>	<u>2.487.879.966</u>	<u>-</u>	<u>47.474.211.111</u>
Tại ngày cuối năm	<u>37.949.323.603</u>	<u>1.423.537.716</u>	<u>2.188.381.858</u>	<u>-</u>	<u>41.561.243.177</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.615.729.263 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 1.924.395.760 đồng).

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	2.000.000.000	154.472.660	2.154.472.660
Tăng trong năm	<u>180.000.000</u>	<u>-</u>	<u>180.000.000</u>
Số dư cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>154.472.660</u>	<u>2.334.472.660</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	30.865.437	154.472.660	185.338.097
Khấu hao trong năm	<u>12.318.102</u>	<u>-</u>	<u>12.318.102</u>
Số dư cuối năm	<u>43.183.539</u>	<u>154.472.660</u>	<u>197.656.199</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<u>1.969.134.563</u>	<u>-</u>	<u>1.969.134.563</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.136.816.461</u>	<u>-</u>	<u>2.136.816.461</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.472.650 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 154.472.650 đồng).



**14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Nhà cửa và  
quyền sử dụng đất  
VND

**NGUYÊN GIÁ**

Số dư đầu năm	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.652.902.727
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.652.902.727</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư đầu năm	-
Trích khấu hao trong năm	173.264.514
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>173.264.514</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>34.479.638.213</b>

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là giá trị hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long và đang dùng để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	482.804.129	-	482.804.129
	-	<b>482.804.129</b>	-	<b>482.804.129</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	54.412.375.847	54.412.375.847	-
Thuế nhập khẩu	-	854.144.532	854.144.532	-
Thuế thu nhập cá nhân	207.542.491	582.575.475	476.228.290	313.889.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	295.901.643	-	295.901.643	-
Thuế nhà thầu, thuế khác	337.656.052	24.000.000	361.656.052	-
	<b>841.100.186</b>	<b>55.873.095.854</b>	<b>56.400.306.364</b>	<b>313.889.676</b>

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	9.526.687.800	9.526.687.800	-	9.526.687.800	9.526.687.800	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	21.960.000.000	21.960.000.000	-	21.960.000.000	21.227.273.602	(732.726.398)
	<b>31.486.687.800</b>	<b>31.486.687.800</b>	<b>-</b>	<b>31.486.687.800</b>	<b>30.753.961.402</b>	<b>(732.726.398)</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	2.500.000.000	500.368.854	(1.999.631.146)	2.500.000.000	500.368.854	(1.999.631.146)
	<b>2.500.000.000</b>	<b>500.368.854</b>	<b>(1.999.631.146)</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>500.368.854</b>	<b>(1.999.631.146)</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết về các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,50	5,50	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,00	2,00	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Phải trả người bán là bên thứ ba</b>	<b>21.782.569.167</b>	<b>21.782.569.167</b>	<b>37.826.277.538</b>	<b>37.826.277.538</b>
Trim Systems Pte Ltd.	1.906.576.131	1.906.576.131	5.788.914.750	5.788.914.750
Phải trả các khách hàng khác	19.875.993.036	19.875.993.036	32.037.362.788	32.037.362.788
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>4.868.389.343</b>	<b>4.868.389.343</b>	<b>8.809.139.740</b>	<b>8.809.139.740</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.817.069.843	3.817.069.843	3.864.517.800	3.864.517.800
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.051.319.500	1.051.319.500	4.944.621.940	4.944.621.940
	<b>26.650.958.510</b>	<b>26.650.958.510</b>	<b>46.635.417.278</b>	<b>46.635.417.278</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	415.033.234	210.127.966
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	379.211.884	1.566.635.651
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	138.966.480
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm	-	4.670.779
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	1.241.120.269	-
Chi phí phải trả khác	220.933.054	154.282.809
	<b>3.246.932.912</b>	<b>2.685.481.676</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	5.601.663.550	10.464.156.650
Lãi trả chậm	-	821.390.197
Các khoản thu hộ, chi hộ	-	708.311.700
Kinh phí công đoàn	636.611.191	671.602.286
Bảo hiểm thất nghiệp	21.892.076	4.980.791
Bảo hiểm y tế xã hội	231.934.283	65.442.032
Phải trả khác	324.206.832	1.924.236.848
	<b>6.816.307.932</b>	<b>14.660.120.504</b>

**20. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	33.946.547.892	33.946.547.892	31.952.178.000	(65.898.725.892)	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	23.824.223.210	23.824.223.210	129.264.188.486	(113.896.701.496)	39.191.710.200	39.191.710.200
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	20.124.390.960	20.124.390.960	121.429.460.960	(50.254.950.320)	91.298.901.600	91.298.901.600
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	4.578.439.404	4.578.439.404	-	(4.578.439.404)	-	-
	<b>82.473.601.466</b>	<b>82.473.601.466</b>	<b>282.645.827.446</b>	<b>(234.628.817.112)</b>	<b>130.490.611.800</b>	<b>130.490.611.800</b>

Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng Số 319/2015/2588907/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối sẽ được trả định kỳ vào ngày 25 của tháng.

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 129.600.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất từ 4,4% tới 5% một năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ trả lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng tổng giá trị số dư phải thu trị giá 131.700.000.000 đồng (số dư quy đổi 6,1 triệu đô la Mỹ) theo chứng thư thế chấp số VNM 111024/MR.

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	36.712.919.100	40.577.436.900
	<b>36.712.919.100</b>	<b>40.577.436.900</b>

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.817.069.843	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	21.254.847.900	25.119.365.700
	<b>40.529.988.943</b>	<b>44.441.954.700</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phải trả người bán)	3.817.069.843	3.864.517.800
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>36.712.919.100</b>	<b>40.577.436.900</b>

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>34.071.996.663</b>	<b>17.432.196.858</b>	<b>251.504.193.521</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.144.064.862	9.144.064.862
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	809.419.758	(809.419.758)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(809.419.758)	(809.419.758)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng quản trị năm 2013	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị (Hoàn nhập)/trích lập bổ sung quỹ năm trước	-	-	(324.000.000)	(324.000.000)
Công bố chia cổ tức trong năm	-	-	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>34.881.416.421</b>	<b>8.453.422.204</b>	<b>243.334.838.625</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	537.394.776	537.394.776
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (1)	-	104.986.728	(104.986.728)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	(104.986.728)	(104.986.728)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng quản trị năm 2014	-	-	(177.000.000)	(177.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị (2)	-	-	(324.000.000)	(324.000.000)
Công bố chia cổ tức trong năm (2)	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>34.986.403.149</b>	<b>1.279.843.524</b>	<b>236.266.246.673</b>

(1) Trong năm, Công ty đã trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 với số tiền lần lượt là 104.986.728 đồng và 104.986.728 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 66/NQ-TMDK ngày 13 tháng 4 năm 2016.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 66/NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2016, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông và thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền lần lượt là 7.000.000.000 đồng và 324.000.000 đồng.

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ	USD	172.007	32.763
- Euro	EUR	3.232	3.234

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	587.531.092.564	817.937.960.930
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.600.514.023	15.589.695.456
	<b>589.131.606.587</b>	<b>833.527.656.386</b>
Hàng bán bị trả lại	-	(2.455.815.500)
	<b>589.131.606.587</b>	<b>831.071.840.886</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	568.908.878.481	760.355.576.163
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	361.305.038	4.028.175.779
	<b>569.270.183.519</b>	<b>764.383.751.942</b>

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	12.572.708.375	24.030.886.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.146.178.080	6.049.884.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.383.639.735	3.790.311.121
Chi phí khác	6.624.205.880	14.130.172.121
	<b>29.726.732.070</b>	<b>48.001.254.387</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.611.651.610	907.205.690
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.427.497.082	2.143.969.755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.696.896.588	954.435.125
	<b>9.736.045.280</b>	<b>4.005.610.570</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.491.070.600	5.975.648.202
Lãi trả chậm	2.309.191.621	2.295.534.318
Lỗ do bán chứng khoán	-	2.891.112.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá	339.012.129	6.299.705.094
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(732.726.398)	(1.348.440.441)
	<b>5.406.547.952</b>	<b>16.113.559.984</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	141.542.398	580.214.038
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.285.297.282	-
Các khoản khác	647.466.035	2.758.155.837
	<b>3.074.305.715</b>	<b>3.338.369.875</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt	-	306.806.001
Các khoản khác	49.375.384	1.105.298.092
	<b>49.375.384</b>	<b>1.412.104.093</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	5.217.076.578	15.048.220.864
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.900.000	34.509.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.690.495.260	451.690.365
Chi phí khác	4.702.930.088	8.194.658.714
	<b>12.614.401.926</b>	<b>23.729.079.899</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.355.631.797	8.982.665.479
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.519.758	367.129.921
Chi phí khấu hao	1.975.482.203	3.052.453.450
Thuế, phí và lệ phí	14.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.693.144.475	2.936.980.879
Chi phí khác	1.907.275.792	5.931.513.407
	<b>14.064.054.025</b>	<b>21.274.743.136</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	-	2.358.517.415
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.358.517.415

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	537.394.776	11.502.582.277
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không tính thuế	3.744.229.338	967.177.950
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	111.088.125	185.129.377
<b>(Lô)/Thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>(3.095.746.437)</b>	<b>10.720.533.704</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.358.517.415</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2015: 22%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	130.490.611.800	82.473.601.466
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	37.854.141.352	85.028.735.444
Nợ thuần	92.636.470.448	-
Vốn chủ sở hữu	236.266.246.673	243.334.838.625
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,392</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	37.854.141.352	85.028.735.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.857.201.292	112.718.507.448
Các khoản đầu tư tài chính	124.000.000.000	24.000.000.000
	<b>271.711.342.644</b>	<b>221.747.242.892</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	130.490.611.800	82.473.601.466
Phải trả người bán và phải trả khác	68.965.541.160	99.206.712.725
Chi phí phải trả	3.246.932.912	2.685.481.676
	<b>202.703.085.872</b>	<b>184.365.795.867</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	3.908.005.175	743.865.956	4.442.612.916	19.801.936.700
Bảng Anh ("GBP")	-	-	1.463.748.000	-
Euro ("EUR")	77.155.293	79.913.501	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và năm 2015 sẽ (giảm)/tăng một khoản tiền tương ứng lần lượt là (16.038.232) đồng và 571.742.122 đồng. Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR và GBP, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/tăng 1.304.906.118 Đồng Việt Nam (Năm 2015: 824.736.015 Đồng Việt Nam).

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng và ứng trước cho Công ty TNHH Hưng Yên.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Số cuối năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	37.854.141.352	-	-	37.854.141.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.844.201.292	13.000.000	-	109.857.201.292
Các khoản đầu tư tài chính	100.000.000.000	24.000.000.000	-	124.000.000.000
	<b>247.698.342.644</b>	<b>24.013.000.000</b>	-	<b>271.711.342.644</b>
Các khoản vay	130.490.611.800	-	-	130.490.611.800
Phải trả khách hàng và phải trả khác	32.252.622.060	15.458.071.200	21.254.847.900	68.965.541.160
Chi phí phải trả	3.246.932.912	-	-	3.246.932.912
	<b>165.990.166.772</b>	<b>15.458.071.200</b>	<b>21.254.847.900</b>	<b>202.703.085.872</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>81.708.175.872</b>	<b>8.554.928.800</b>	<b>(21.254.847.900)</b>	<b>69.008.256.772</b>
<b>Số đầu năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	85.028.735.444	-	-	85.028.735.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.705.507.448	13.000.000	-	112.718.507.448
Các khoản đầu tư tài chính	-	24.000.000.000	-	24.000.000.000
	<b>197.734.242.892</b>	<b>24.013.000.000</b>	-	<b>221.747.242.892</b>
Các khoản vay	82.473.601.466	-	-	82.473.601.466
Phải trả khách hàng và phải trả khác	58.629.275.825	15.458.071.200	25.119.365.700	99.206.712.725
Chi phí phải trả	2.685.481.676	-	-	2.685.481.676
	<b>143.788.358.967</b>	<b>15.458.071.200</b>	<b>25.119.365.700</b>	<b>184.365.795.867</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>53.945.883.925</b>	<b>8.554.928.800</b>	<b>(25.119.365.700)</b>	<b>37.381.447.025</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### Danh sách các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Thương Mại Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	684.395.401	13.936.510.966
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.061.793.392	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	357.481.411.630	167.219.020.305
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	746.145.455	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	16.141.798.818
<b>Góp vốn</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	21.960.000.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công bố trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.030.000.000	4.640.000.000
<b>Lãi trả chậm</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.309.191.621	1.043.390.197
<b>Cổ tức nhận được</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	3.516.896.588	764.035.125
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.800.000.000	2.210.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.534.775.419	11.877.288.149
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	359.882.297	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	49.907.876.025	16.477.286.467
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	40.529.988.943	44.441.954.700
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.051.319.500	4.944.621.940
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	5.683.390.197

**35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 415.033.234 đồng (2015: 210.127.966 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 1.274.561.977 đồng (2015: 252.578.722 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 5.601.663.550 đồng (2015: 10.464.156.650 đồng), là số cổ tức phải trả phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu



**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 14, Tòa nhà Westlake,  
P. Giảng Võ, P. Liễu Giai,  
Q. Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84 4 3556 3100  
Fax: +84 4 3556 3105

Trang web: [www.vietcombank.com](http://www.vietcombank.com)

© 2014 Vietcombank Việt Nam

**Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 14, Tòa nhà Times Square  
57- 63P Đồng Khởi, P. Bến Nghé,  
Quận 1, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Điện thoại: +84 8 3910 0751  
Fax: +84 8 3910 0750



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 31





## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2016)
Ông Bùi Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2016)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Dương**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Số: 511 /VNIA-HC-BC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") không được phê duyệt quyết toán với số tiền 4.648.717.816 đồng đang được trình bày ở khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, khoản chi phí này không có khả năng thu hồi và vì vậy cần ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Nếu khoản mục này được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam thì khoản mục "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 sẽ tăng với số tiền là 4.648.717.816 đồng. Đồng thời khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm cùng một số tiền là 4.648.717.816 đồng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vụ kiện mà Công ty đang kiện Công ty TNHH Hưng Yên liên quan đến khoản nợ phải thu từ Công ty TNHH Hưng Yên. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0733-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Bùi Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2133-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>363.878.612.490</b>	<b>353.742.456.006</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>72.778.141.034</b>	<b>109.654.068.489</b>
1. Tiền	111		25.255.994.924	23.164.068.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.522.146.110	86.490.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	100.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>110.767.996.742</b>	<b>138.570.833.034</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	78.195.990.132	121.263.413.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	29.926.042.342	16.262.677.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.532.954.823	6.140.107.668
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.886.990.555)	(5.095.365.711)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>72.651.011.851</b>	<b>95.635.748.879</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.651.011.851	95.635.748.879
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.681.462.863</b>	<b>9.881.805.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		618.252.304	757.788.323
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.880.406.430	8.940.033.304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	482.804.129	183.983.977
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		700.000.000	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>133.991.677.055</b>	<b>140.424.861.593</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>140.031.841</b>	<b>197.004.800</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	140.031.841	197.004.800
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.921.356.029</b>	<b>68.980.301.015</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	52.278.381.518	59.505.008.402
- Nguyên giá	222		84.461.451.995	89.129.089.737
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.183.070.477)	(29.624.081.335)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	9.642.974.511	9.475.292.613
- Nguyên giá	228		10.417.216.795	10.237.216.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(774.242.284)	(761.924.182)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>34.479.638.213</b>	-
- Nguyên giá	231		34.652.902.727	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(173.264.514)	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>4.648.717.816</b>	<b>39.294.947.816</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.648.717.816	39.294.947.816
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>27.626.200.312</b>	<b>26.787.301.517</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		3.626.200.312	2.787.301.517
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.175.732.844</b>	<b>5.165.306.445</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.952.745.532	1.600.577.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		95.280.123	-
3. Lợi thế thương mại	269	17	3.127.707.189	3.564.728.969
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>497.870.289.545</b>	<b>494.167.317.599</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>221.754.440.778</b>	<b>211.397.249.175</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>185.041.521.678</b>	<b>170.819.812.275</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	34.117.909.430	61.794.435.153
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.313.659.550	1.316.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.400.983.267	1.992.442.860
4. Phải trả người lao động	314		1.854.065.452	3.627.891.449
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.175.918.312	3.946.550.302
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		670.738.084	198.010.612
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.100.878.961	14.926.992.241
8. Vay ngắn hạn	320	22	130.490.611.800	82.473.601.466
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		916.756.822	543.888.192
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.712.919.100</b>	<b>40.577.436.900</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	23	36.712.919.100	40.577.436.900
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>276.115.848.767</b>	<b>282.770.068.424</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>276.115.848.767</b>	<b>282.770.068.424</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	35.328.811.660	35.138.945.817
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	8.933.818.936	16.450.327.842
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		8.898.400.374	5.311.446.197
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		35.418.562	11.138.881.645
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	31.853.218.171	31.180.794.765
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>497.870.289.545</b>	<b>494.167.317.599</b>

**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Dương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		718.192.281.924	1.079.510.960.003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.455.815.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	718.192.281.924	1.077.055.144.503
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	29	672.098.603.975	998.592.558.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		46.093.677.949	78.462.586.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	7.359.075.038	3.378.311.242
7. Chi phí tài chính	22	32	6.149.593.246	15.183.364.559
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.501.389.496	5.975.648.202
8. Chi phí bán hàng	25	33	14.452.470.975	24.199.224.810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	30.004.795.128	27.379.109.870
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.845.893.638	15.079.198.302
11. Thu nhập khác	31		3.172.537.690	3.341.188.057
12. Chi phí khác	32		56.787.890	1.559.195.569
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.115.749.800	1.781.992.488
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45	16	838.881.585	1.256.564.328
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		6.800.525.023	18.117.755.118
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	2.221.001.181	3.804.084.469
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(95.280.123)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.674.803.965	14.313.670.649
Phân bổ cho:				
- Cổ đông không kiểm soát	61	25	4.201.830.355	1.508.025.380
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		472.973.610	12.805.645.269
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>21</b>	<b>585</b>

**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Dương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2017

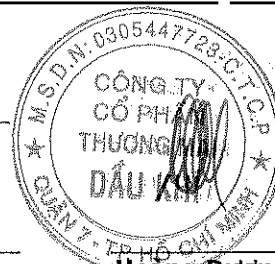
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.800.525.023</b>	<b>18.117.755.118</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.831.759.913	7.635.958.486
- Các khoản dự phòng	03	(2.208.375.156)	(1.393.413.586)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(306.852.660)	364.562.010
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.215.107.213)	(1.234.341.487)
- Chi phí lãi vay	06	3.501.389.496	5.975.648.202
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>7.403.339.403</b>	<b>29.466.168.743</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	31.399.312.628	326.622.416.479
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	22.984.737.028	90.252.291.467
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(34.463.993.623)	(317.342.056.246)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	224.389.743	(2.680.407.853)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	6.151.859.811
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.117.874.425)	(6.246.511.070)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.011.430.192)	(623.130.776)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	125.179.425	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(3.047.777.629)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>20.543.659.987</b>	<b>122.552.852.926</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(864.909.091)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.542.215.208	-
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(100.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	3.703.457.070	1.234.341.487
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(93.619.236.813)</b>	<b>1.234.341.487</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	282.645.827.446	684.207.457.728
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(234.628.817.112)	(840.147.052.422)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.862.493.100)	(11.375.899.589)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>36.154.517.234</b>	<b>(167.315.494.283)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(36.921.059.592)</b>	<b>(43.528.299.870)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>109.654.068.489</b>	<b>153.172.516.127</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	45.132.137	9.852.232
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>72.778.141.034</b>	<b>109.654.068.489</b>

**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Dương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN CHUNG****Công ty mẹ****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008. Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 53 người (31 tháng 12 năm 2015: 98 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

**Công ty con**

Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh (gọi tắt là "Công ty GEC") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500867357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Tổng số nhân viên của Công ty GEC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 16 người (31 tháng 12 năm 2015: 17 người). Hoạt động chính của Công ty GEC là mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học. Công ty GEC có trụ sở chính tại Ô 1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại Công ty GEC là 51%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty PAIC") được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103349508 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 là 42.352.900.000 đồng. Tổng số nhân viên của Công ty PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 90 người (31 tháng 12 năm 2015: 89 người). Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Công ty PAIC có trụ sở chính ở tầng 17, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại PAIC là 51,85%.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên, việc áp dụng thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đối với số liệu so sánh.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, lợi thế thương mại này không được khấu hao theo quy định của Thông tư 202.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính và giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 không trích khấu hao vì không có thời hạn.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	833.520.064	1.133.179.239
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.422.474.860	22.030.889.250
Các khoản tương đương tiền	47.522.146.110	86.490.000.000
	<b><u>72.778.141.034</u></b>	<b><u>109.654.068.489</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 5,5% một năm (31 tháng 12 năm 2015: 4,7% - 5,4% một năm). Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty PAIC với số tiền là 6 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng mua hàng hóa.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là từ 6%-6,2% một năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba</b>		
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	34.822.914.742	
- Liên Doanh Vietsovpetro	8.233.851.817	33.645.859.493
- Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	52.395.750	23.857.454.144
- Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	-	15.622.037.000
- Các khoản phải thu các khách hàng khác	29.552.052.404	36.260.774.757
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.534.775.419	11.877.288.149
	<b><u>78.195.990.132</u></b>	<b><u>121.263.413.543</u></b>

**8. ỨNG TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	10.140.886.339	10.140.886.339
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	5.015.000.000	5.015.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Ngọc Minh	9.899.312.315	13.552.594
Các khoản ứng trước khác	4.870.843.688	1.093.238.601
	<b><u>29.926.042.342</u></b>	<b><u>16.262.677.534</u></b>

(\*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2016/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2016. Công ty TNHH Hưng Yên đã tiến hành kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng và vụ việc đang chờ được xét xử phúc thẩm tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	937.909.300	1.390.006.900
Các khoản ký quỹ	1.100.139.648	1.131.865.593
Phải thu về lãi tiền gửi	1.607.711.460	379.590.574
Phải thu người lao động	237.600.000	294.034.755
Các khoản thu hộ, chi hộ	-	751.252.773
Phải thu khác	1.649.594.415	2.193.357.073
	<b><u>5.532.954.823</u></b>	<b><u>6.140.107.668</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ	140.031.841	197.004.800
	<b><u>140.031.841</u></b>	<b><u>197.004.800</u></b>

**10. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	271.736.190	81.520.857	3.103.458.190	1.551.729.095
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	52.395.750	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.134	-
Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	168.601.800	762.006.000	533.404.200
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	-	-	578.250.750	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	-	505.677.414	27.058.570
Liên Doanh Vietsovpetro	8.233.851.817	7.847.286.678	434.281.399	303.996.979
Công ty TNHH Năng lượng Công nghệ	-	-	365.045.333	182.522.667
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	-	253.109.738	177.176.817
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	-	-	5.015.081	-
	<b>10.984.399.890</b>	<b>8.097.409.335</b>	<b>7.871.254.039</b>	<b>2.775.888.328</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường	-	5.136.772.410
Nguyên vật liệu	42.801.606.703	17.435.915.022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, trong đó:	5.166.610.229	48.380.266.528
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho HD Bank	1.770.585.625	-
- Bảo hành Bảo trì Thiết bị HB	1.089.771.460	-
- Hợp đồng nâng cấp đồng bộ PVOIL	676.458.789	-
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Vietsovpetro	-	39.317.716.299
- Hợp đồng cung cấp hoá phẩm cho Vietsovpetro	-	1.693.961.280
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho Talisman	-	1.494.910.550
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	888.528.336
- Các hợp đồng khác	1.629.794.355	4.985.150.063
Hàng hóa	24.682.794.919	24.682.794.919
	<b>72.651.011.851</b>	<b>95.635.748.879</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	60.685.518.072	5.289.204.634	8.005.659.741	15.092.792.542	55.914.748	89.129.089.737
Tăng trong năm	-	-	678.236.364	-	-	678.236.364
Phân loại lại	-	1.957.272.741	-	(1.957.272.741)	-	-
Thanh lý	-	(640.170.917)	(4.543.579.321)	(162.123.868)	-	(5.345.874.106)
Số dư cuối năm	<u>60.685.518.072</u>	<u>6.606.306.458</u>	<u>4.140.316.784</u>	<u>12.973.395.933</u>	<u>55.914.748</u>	<u>84.461.451.995</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	7.030.529.915	5.215.183.269	5.349.482.812	11.972.970.591	55.914.748	29.624.081.335
Khấu hao trong năm	2.354.947.896	447.484.532	572.000.078	3.271.744.791	-	6.646.177.297
Phân loại lại	-	1.481.811.792	862.841.324	(2.344.653.116)	-	-
Thanh lý	-	(640.170.917)	(3.307.106.275)	(139.910.963)	-	(4.087.188.155)
Số dư cuối năm	<u>9.385.477.811</u>	<u>6.504.308.676</u>	<u>3.477.217.939</u>	<u>12.760.151.303</u>	<u>55.914.748</u>	<u>32.183.070.477</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<u>53.654.988.157</u>	<u>74.021.365</u>	<u>2.656.176.929</u>	<u>3.119.821.951</u>	<u>-</u>	<u>59.505.008.402</u>
Tại ngày cuối năm	<u>51.300.040.261</u>	<u>101.997.782</u>	<u>663.098.845</u>	<u>213.244.630</u>	<u>-</u>	<u>52.278.381.518</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 19.183.193.014 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 8.039.723.147 đồng).

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	2.000.000.000	731.058.745	7.506.158.050	10.237.216.795
Tăng trong năm	180.000.000	-	-	180.000.000
Số dư cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>731.058.745</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>10.417.216.795</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	30.865.437	731.058.745	-	761.924.182
Khấu hao trong năm	12.318.102	-	-	12.318.102
Số dư cuối năm	<u>43.183.539</u>	<u>731.058.745</u>	<u>-</u>	<u>774.242.284</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<u>1.969.134.563</u>	<u>-</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>9.475.292.613</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.136.816.461</u>	<u>-</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>9.642.974.511</u>

Nguyên giá của phần mềm máy tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 731.058.745 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 731.058.745 đồng).



**14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	<u>34.652.902.727</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>34.652.902.727</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Trích khấu hao trong năm	<u>173.264.514</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>173.264.514</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<u><b>34.479.638.213</b></u>

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long và đang dùng để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Biệt thự Kim Long	-	34.646.230.000
Dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời (1)	<u>4.648.717.816</u>	<u>4.648.717.816</u>
	<u><b>4.648.717.816</b></u>	<u><b>39.294.947.816</b></u>

(1) Thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") theo Hợp đồng hợp tác giữa Công ty PAIC với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") số 7454/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 8 năm 2010. Theo đó, Tập đoàn góp vốn bằng tiền và Công ty PAIC góp vốn bằng nguồn nhân lực. Tổng chi phí phát sinh liên quan đến Dự án là 24.631.310.413 đồng. Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã có Biên bản số 9871/BB-DKVN về việc phê duyệt Dự án với kết quả Dự án không đạt. Giá trị quyết toán được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 19.466.068.395 đồng. Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được duyệt quyết toán là 5.165.242.018 đồng. Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty PAIC ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được quyết toán. Theo đó, (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty PAIC) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516.524.202 đồng; (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 đồng thuộc trách nhiệm chung của Công ty PAIC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, ông Nguyễn Việt Hùng đã thanh toán số tiền này cho Công ty PAIC và Công ty PAIC đang theo dõi phần giá trị còn lại của dự án trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 4.648.717.816 đồng.

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim được thành lập tại Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 262031000068 do Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009 là 30 tỷ đồng. Tổng số vốn cam kết góp của Công ty mẹ là 7,5 tỷ đồng, tương ứng với 25% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hậu cần cho Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	35.314.052.413	26.627.783.295
Tổng công nợ	20.439.710.114	15.108.967.338
Tài sản thuần	14.874.342.299	11.518.815.957
Phần tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết	<u>3.626.200.312</u>	<u>2.787.301.517</u>
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần	89.943.170.120	115.146.709.556
Lãi thuần	3.355.526.341	3.336.419.065
Lãi thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>838.881.585</u>	<u>1.256.564.328</u>

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>24.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,0	2,0	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

**17. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

VND

**NGUYÊN GIÁ**

Số dư đầu năm	4.370.090.792
Điều chỉnh khác	(14.243)
Số dư cuối năm	<u>4.370.076.549</u>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư đầu năm	805.361.823
Khấu hao trong năm	437.007.537
Số dư cuối năm	<u>1.242.369.360</u>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm	<u>3.564.728.969</u>
Tại ngày cuối năm	<u>3.127.707.189</u>

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Phải trả bên thứ ba</b>	<b>30.300.839.587</b>	<b>30.300.839.587</b>	<b>57.929.917.353</b>	<b>57.929.917.353</b>
Trim Systems Pte Ltd.	1.906.576.131	1.906.576.131	5.788.914.750	5.788.914.750
Phải trả các khách hàng khác	28.394.263.456	28.394.263.456	52.141.002.603	52.141.002.603
<b>b. Phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.817.069.843</b>	<b>3.817.069.843</b>	<b>3.864.517.800</b>	<b>3.864.517.800</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.817.069.843	3.817.069.843	3.864.517.800	3.864.517.800
	<u>34.117.909.430</u>	<u>34.117.909.430</u>	<u>61.794.435.153</u>	<u>61.794.435.153</u>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
	<b>a. Các khoản phải thu</b>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	482.804.129	-	482.804.129
Thuế nhà thầu, thuế khác	183.983.977	-	183.983.977	-
	<u>183.983.977</u>	<u>482.804.129</u>	<u>183.983.977</u>	<u>482.804.129</u>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	98.582.034.541	98.234.673.689	347.360.852
Thuế nhập khẩu	-	854.144.532	854.144.532	-
Thuế thu nhập cá nhân	237.193.288	938.946.323	735.187.720	440.951.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.417.593.520	2.206.507.196	3.011.430.192	612.670.524
Thuế nhà thầu, thuế khác	337.656.052	45.600.000	383.256.052	-
	<u>1.992.442.860</u>	<u>102.627.232.592</u>	<u>103.218.692.185</u>	<u>1.400.983.267</u>

00-002-  
HÀNH  
TY  
HỮU H  
ITTE  
NAM  
IÒ CH

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	379.211.884	1.566.635.651
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí lãi vay	415.033.234	210.127.966
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	-
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm	-	4.670.779
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	1.241.120.269	-
Chi phí phải trả khác	1.149.918.454	1.554.317.915
	<b>4.175.918.312</b>	<b>3.946.550.302</b>

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	5.601.663.550	10.464.156.650
Lãi trả chậm	-	821.390.197
Các khoản thu hộ, chi hộ	-	708.311.700
Kinh phí công đoàn	636.611.191	671.602.286
Bảo hiểm xã hội và y tế	231.934.283	65.442.032
Bảo hiểm thất nghiệp	21.892.076	4.980.791
Nhận đặt cọc, ký quỹ	-	-
Phải trả khác	608.777.861	2.191.108.585
	<b>7.100.878.961</b>	<b>14.926.992.241</b>

**22. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	33.946.547.892	33.946.547.892	31.952.178.000	(65.898.725.892)	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	23.824.223.210	23.824.223.210	129.264.188.486	(113.896.701.496)	39.191.710.200	39.191.710.200
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	20.124.390.960	20.124.390.960	121.429.460.960	(50.254.950.320)	91.298.901.600	91.298.901.600
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	4.578.439.404	4.578.439.404	-	(4.578.439.404)	-	-
	<b>82.473.601.466</b>	<b>82.473.601.466</b>	<b>282.645.827.446</b>	<b>(234.628.817.112)</b>	<b>130.490.611.800</b>	<b>130.490.611.800</b>

Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng Số 319/2015/2588907/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối sẽ được trả định kỳ vào ngày 25 của tháng.

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 129.600.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất từ 4,4% tới 5% một năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ trả lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng tổng giá trị số dư phải thu trị giá 131.700.000.000 đồng (số dư quy đổi 6,1 triệu đô la Mỹ) theo chứng thư thế chấp số VNM 111024/MR.

**23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	36.712.919.100	40.577.436.900
	<b><u>36.712.919.100</u></b>	<b><u>40.577.436.900</u></b>

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 - Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuê giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo kỳ thanh toán với lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.864.517.800	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	21.254.847.900	25.119.365.700
	<b><u>40.577.436.900</u></b>	<b><u>44.441.954.700</u></b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải trả người bán)	3.864.517.800	3.864.517.800
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>36.712.919.100</u></b>	<b><u>40.577.436.900</u></b>

**24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn cổ phần đã phát hành**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>34.329.526.059</b>	<b>21.815.446.197</b>	<b>256.144.972.256</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.805.645.269	12.805.645.269
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	809.419.758	(809.419.758)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(857.343.866)	(857.343.866)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng Quản trị năm 2013	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(324.000.000)	(324.000.000)
Công bố chia cổ tức trong năm	-	-	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>35.138.945.817</b>	<b>16.450.327.842</b>	<b>251.589.273.659</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	472.973.610	472.973.610
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (1)	-	189.865.843	(189.865.843)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	(247.689.205)	(247.689.205)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng quản trị năm 2014	-	-	(177.000.000)	(177.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị (2)	-	-	(374.927.468)	(374.927.468)
Công bố chia cổ tức trong năm (2)	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>35.328.811.660</b>	<b>8.933.818.936</b>	<b>244.262.630.596</b>

- (1) Trong năm, Công ty mẹ và các Công ty con đã trích bổ sung các quỹ đầu tư phát triển; quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 với số tiền lần lượt là 189.865.843 đồng và 247.689.204 đồng.
- (2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 66/NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2016, Công ty mẹ đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông và thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền lần lượt là 7.000.000.000 đồng và 324.000.000 đồng.

**25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của các Công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát cụ thể như sau:

<b>Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	20.000.000.000	20.000.000.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>10.200.000.000</i>	<i>10.200.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>9.800.000.000</i>	<i>9.800.000.000</i>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b><u>49,00%</u></b>	<b><u>49,00%</u></b>

<b>Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	42.352.900.000	42.352.900.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>21.960.000.000</i>	<i>21.960.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>20.392.900.000</i>	<i>20.392.900.000</i>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b><u>48,15%</u></b>	<b><u>48,15%</u></b>

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị tài sản thuần:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn của cổ đông không kiểm soát	30.192.900.000	30.192.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	663.068.452	581.517.931
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	216.000.741	216.000.741
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	781.248.978	190.376.093
	<b><u>31.853.218.171</u></b>	<b><u>31.180.794.765</u></b>

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	8.672.592.217	3.034.721.628
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>4.201.830.355</u>	<u>1.508.025.380</u>

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Ngoại tệ các loại:</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Đô la Mỹ	USD	172.007	32.763
- Euro	EUR	<u>3.232</u>	<u>3.234</u>

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác và bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác - kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.

Bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu - sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng dầu.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

<b>Số cuối năm</b>	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	<b>Tổng</b>
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	422.511.131.511	75.359.158.034	497.870.289.545
Tài sản không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>			<b><u>497.870.289.545</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	168.147.585.314	53.606.855.464	221.754.440.778
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>			<b><u>221.754.440.778</u></b>
<b>Số đầu năm</b>	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	<b>Tổng</b>
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	VND
	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	447.943.993.303	46.223.324.296	494.167.317.599
Tài sản không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>			<b><u>494.167.317.599</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	188.973.302.727	22.423.946.448	211.397.249.175
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>			<b><u>211.397.249.175</u></b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

<b>Năm nay</b>	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	<b>Tổng</b>
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	669.174.137.433	49.018.144.491	718.192.281.924
Giá vốn	<u>632.466.801.592</u>	<u>39.631.802.383</u>	<u>672.098.603.975</u>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b><u>36.707.335.841</u></b>	<b><u>9.386.342.108</u></b>	<b><u>46.093.677.949</u></b>
Chi phí bán hàng			14.452.470.975
Chi phí quản lý doanh nghiệp			<u>30.004.795.128</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			1.636.411.846
Doanh thu hoạt động tài chính			7.359.075.038
Chi phí tài chính			6.149.593.246
Lợi nhuận khác			3.115.749.800
Lãi trong công ty liên kết			<u>838.881.585</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế			6.800.525.023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			2.221.001.181
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			95.280.123
Lợi nhuận trong năm			<b><u>4.674.803.965</u></b>
<b>Thông tin khác</b>			
Khấu hao			<u>6.831.759.913</u>



Năm trước	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	850.486.189.727	226.568.954.776	1.077.055.144.503
Giá vốn	780.858.534.148	217.734.024.056	998.592.558.204
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>69.627.655.579</b>	<b>8.834.930.720</b>	<b>78.462.586.299</b>
Chi phí bán hàng			24.199.224.810
Chi phí quản lý doanh nghiệp			27.379.109.870
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			26.884.251.619
Doanh thu hoạt động tài chính			3.378.311.242
Chi phí tài chính			15.183.364.559
Lợi nhuận khác			1.781.992.488
Lãi trong công ty liên kết			1.256.564.328
Lợi nhuận kế toán trước thuế			18.117.755.118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			3.804.084.469
Lợi nhuận trong năm			<b>14.313.670.649</b>
<b>Thông tin khác</b>			
Khấu hao			7.635.958.486

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán chất phụ gia xăng dầu	49.018.144.491	226.568.954.776
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	669.174.137.433	852.942.005.227
	<b>718.192.281.924</b>	<b>1.079.510.960.003</b>
Hàng bán bị trả lại	-	2.455.815.500
	<b>718.192.281.924</b>	<b>1.077.055.144.503</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn chất phụ gia xăng dầu đã bán	39.631.802.383	217.734.024.056
Giá vốn hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	632.466.801.592	780.858.534.148
	<b>672.098.603.975</b>	<b>998.592.558.204</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.235.740.672	216.147.950.372
Chi phí nhân công	29.821.547.682	26.977.563.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.831.759.913	7.635.958.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.284.612.359	4.356.687.132
Chi phí khác	125.382.236.517	33.086.896.106
	<b><u>224.555.897.143</u></b>	<b><u>288.205.055.479</u></b>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.120.644.422	2.143.969.755
Lãi tiền gửi	4.751.577.956	1.043.941.487
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.000.000	190.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	306.852.660	-
	<b><u>7.359.075.038</u></b>	<b><u>3.378.311.242</u></b>

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.501.389.496	5.975.648.202
Lãi trả chậm	2.309.191.621	2.295.534.318
Lỗ do bán chứng khoán	-	2.891.112.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá	339.012.129	6.299.705.094
Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	-	(2.278.635.866)
	<b><u>6.149.593.246</u></b>	<b><u>15.183.364.559</u></b>

**33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	15.524.511.634	11.929.342.519
Chi phí đồ dùng văn phòng	299.876.255	450.146.027
Chi phí khấu hao	2.547.345.611	3.052.453.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.649.160.576	3.359.429.617
Chi phí khác	3.983.901.052	8.587.738.257
	<b><u>30.004.795.128</u></b>	<b><u>27.379.109.870</u></b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	5.975.944.334	15.048.220.864
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.900.000	34.509.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.951.440.714	595.617.638
Chi phí băng tiền khác	5.521.185.927	8.520.876.352
	<b><u>14.452.470.975</u></b>	<b><u>24.199.224.810</u></b>

10012  
CHI  
CƠ  
ÁCH NH  
DEL  
VIỆT  
/ - TP

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.800.525.023	18.117.755.118
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.370.695.216	438.428.554
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.066.214.335	3.355.361.286
<b>Thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>11.105.005.904</b>	<b>15.200.822.386</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.221.001.181</b>	<b>3.344.180.925</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm trước	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập từ hợp nhất	-	459.903.544
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.221.001.181</b>	<b>3.804.084.469</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2015: 22%).

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	4.674.803.965	14.313.670.649
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát	4.201.830.355	1.508.025.380
- Cổ đông của Công ty mẹ	472.973.610	12.805.645.269
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	47.297.361	1.105.033.071
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	425.676.249	11.700.612.198
Số cổ phần bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>21</b>	<b>585</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế trong năm như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 66/NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2016.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền VND	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	11.525.080.742	20.000.000	576
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Thông tư 200 và 202	175.531.456	-	-
<b>Số liệu trình bày lại</b>	<b>11.700.612.198</b>	<b>20.000.000</b>	<b>585</b>

500-00  
 NHANH  
 G TY  
 ỆM HỮU  
 ITTE  
 NAM  
 HỒ CỖ

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	130.490.611.800	82.473.601.466
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	72.778.141.034	109.654.068.489
Nợ thuần	57.712.470.766	-
Vốn chủ sở hữu	276.115.848.767	282.770.068.424
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,21</u>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	72.778.141.034	109.654.068.489
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.806.476.941	120.821.118.645
Các khoản đầu tư tài chính	124.000.000.000	24.000.000.000
	<u>276.584.617.975</u>	<u>254.475.187.134</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	130.490.611.800	82.473.601.466
Phải trả người bán và phải trả khác	77.041.269.941	116.556.839.185
Chi phí phải trả	4.175.918.312	3.946.550.302
	<u>211.707.800.053</u>	<u>202.976.990.953</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	3.908.005.175	743.865.956	4.442.612.916	19.801.936.700
Euro ("EUR")	77.155.293	79.913.501	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với đồng Việt Nam thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 16.038.232 đồng (năm 2015: giảm/tăng 571.742.122 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/tăng 1.304.906.118 đồng (Năm 2015: 824.736.015 đồng).

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng và khoản ứng trước cho Công ty TNHH Hưng Yên..

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay, và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

<b>Số cuối năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.778.141.034	-	-	72.778.141.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.666.445.100	140.031.841	-	79.806.476.941
Các khoản đầu tư tài chính	100.000.000.000	24.000.000.000	-	124.000.000.000
	<b>252.444.586.134</b>	<b>24.140.031.841</b>	-	<b>276.584.617.975</b>
Các khoản vay	130.490.611.800	-	-	130.490.611.800
Phải trả người bán và phải trả khác	40.328.350.841	15.458.071.200	21.254.847.900	77.041.269.941
Chi phí phải trả	4.175.918.312	-	-	4.175.918.312
	<b>174.994.880.953</b>	<b>15.458.071.200</b>	<b>21.254.847.900</b>	<b>211.707.800.053</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>77.449.705.181</b>	<b>8.681.960.641</b>	<b>(21.254.847.900)</b>	<b>64.876.817.922</b>
<b>Số đầu năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.654.068.489	-	-	109.654.068.489
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.624.113.845	197.004.800	-	120.821.118.645
Các khoản đầu tư tài chính	-	24.000.000.000	-	24.000.000.000
	<b>230.278.182.334</b>	<b>24.197.004.800</b>	-	<b>254.475.187.134</b>
Các khoản vay	82.473.601.466	-	-	82.473.601.466
Phải trả người bán và phải trả khác	75.979.402.285	15.458.071.200	25.119.365.700	116.556.839.185
Chi phí phải trả	3.946.550.302	-	-	3.946.550.302
	<b>162.399.554.053</b>	<b>15.458.071.200</b>	<b>25.119.365.700</b>	<b>202.976.990.953</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>67.878.628.281</b>	<b>8.738.933.600</b>	<b>(25.119.365.700)</b>	<b>51.498.196.181</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An  
 Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petchim

Cổ đông  
 Cổ đông  
 Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>684.395.401</u>	<u>13.936.510.966</u>
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>746.145.455</u>	<u>-</u>
<b>Công bố và trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.030.000.000</u>	<u>4.640.000.000</u>
<b>Lãi trả chậm</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.309.191.621</u>	<u>1.043.390.197</u>

112500  
 CHI NH  
 CÔNG  
 NHÌEM  
 ELOIT  
 IẾT NA  
 TP. HỒ

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.800.000.000</u>	<u>2.210.000.000</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>5.534.775.419</u>	<u>11.877.288.149</u>
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>40.529.988.943</u>	<u>44.441.954.700</u>
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>-</u>	<u>5.683.390.197</u>

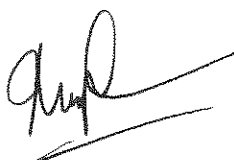
**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

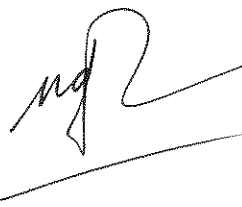
Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 415.033.234 đồng (2015: 210.127.966 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 1.607.711.460 đồng (2015: 379.590.574 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 5.601.663.550 đồng (2015: 10.464.156.650 đồng), là số cổ tức phải trả phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



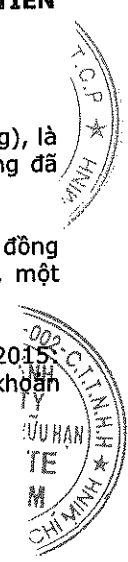
**Phạm Thị Hồng Yến**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Ngọc Anh**  
 Kế toán trưởng



**Hoàng Dương**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 23 tháng 3 năm 2017



**Văn phòng Hà Nội**

Tháp 12A, Tòa nhà SunGroup,  
Số 10/101, T. Giảng Võ,  
Đ. Nguyễn Chí Thanh, P. Giảng Võ,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
Điện thoại: +845 3910 0750  
Fax: +845 3910 0750

Địa chỉ email: [info@sunshine.com.vn](mailto:info@sunshine.com.vn)  
[www.sunshine.com.vn](http://www.sunshine.com.vn)

© Sunshine Group 2014

**Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 08, Tòa nhà Times Square,  
Số 1, Đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +845 3910 0751  
Fax: +845 3910 0750